

BÁO CÁO NGÀNH THỦY SẢN

Ngày cập nhật: 28/02/2023



MỤC LỤC

01

TỔNG QUAN NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

- Chuỗi giá trị ngành thủy sản
- Phân bố diện tích và sản lượng
- Thực trạng và số liệu xuất khẩu

02

CÁC SẢN PHẨM VÀ THỊ TRƯỜNG CHÍNH NGÀNH THỦY SẢN

Phân tích các thị trường sản phẩm:

- Tôm
- Cá tra
- Cá ngừ và các loại thủy sản khác

Tổng hợp các sản phẩm và thị trường xuất khẩu chính.

03

CÁC KHÓ KHĂN VÀ CƠ HỘI NGÀNH THỦY SẢN

- Khó khăn đầu vào
- Khó khăn đầu ra
- Tác nghẽn dòng tiền và mất cân bằng cung cầu
- Cơ hội

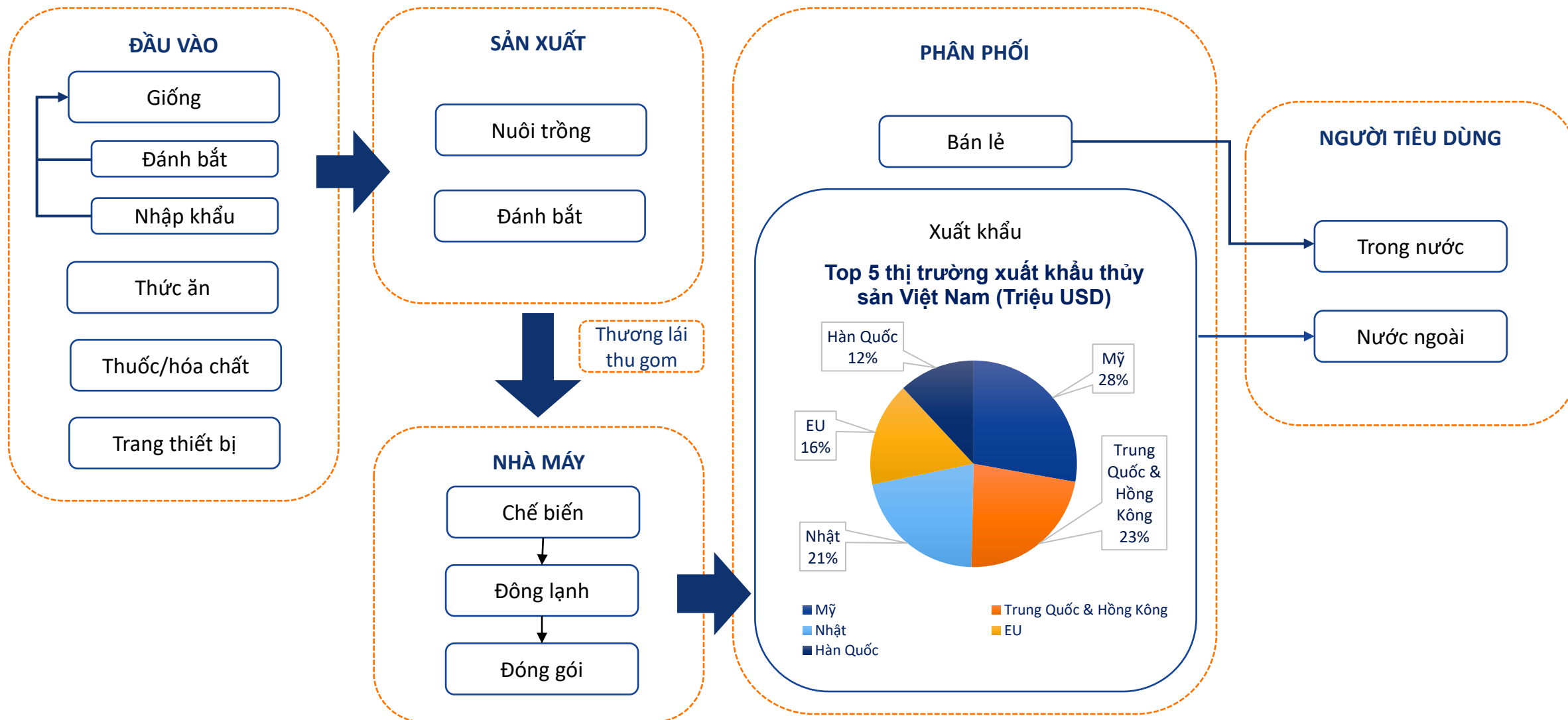
04

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ DỰ PHÓNG

- Kết quả kinh doanh ngành 2022
- Triển vọng và dự phóng

1. Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam

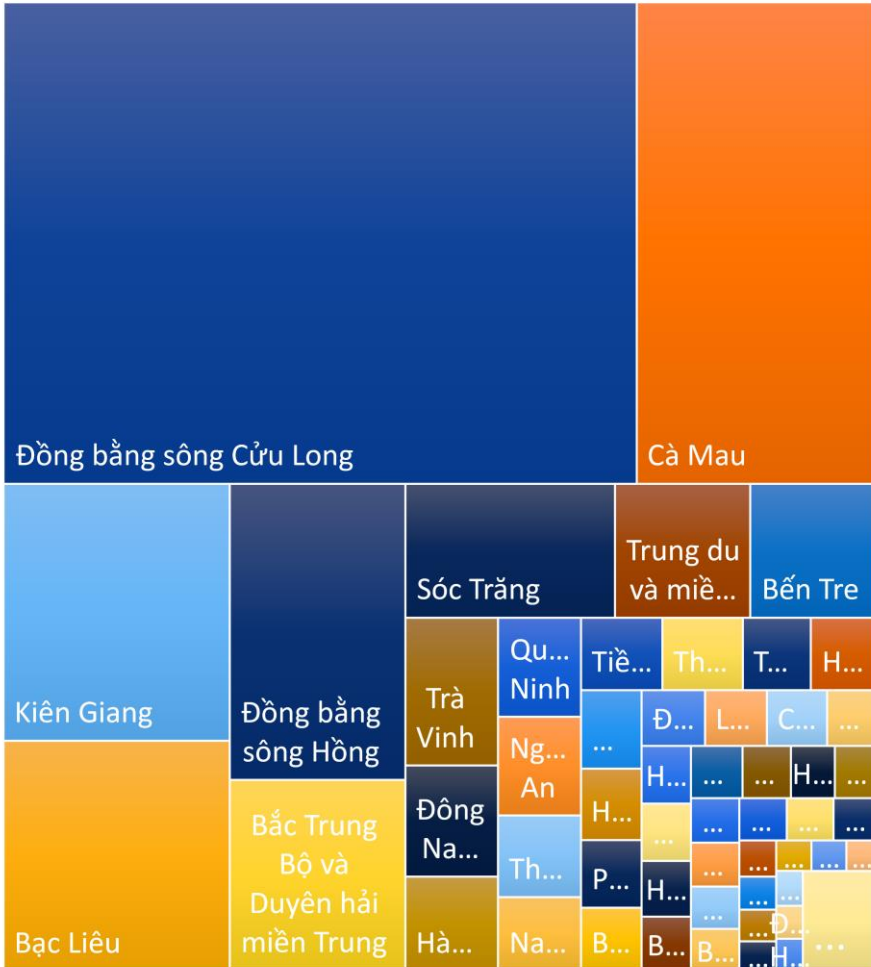
Chuỗi giá trị ngành thủy sản



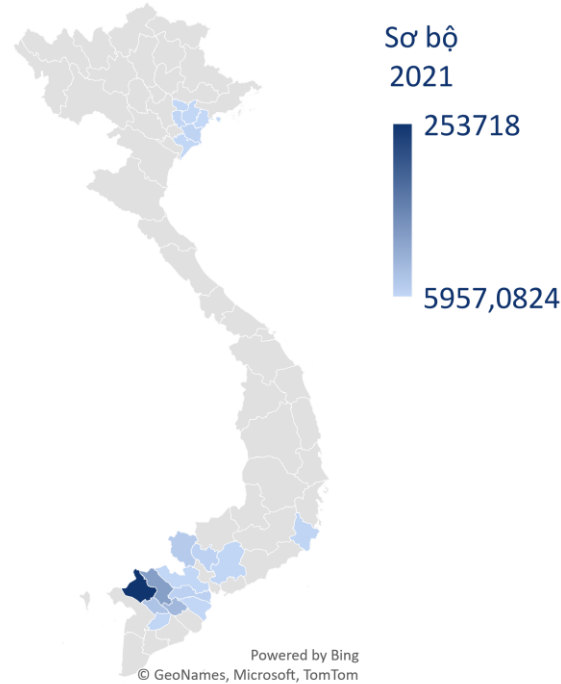
1. Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam

Phân bố diện tích và sản lượng

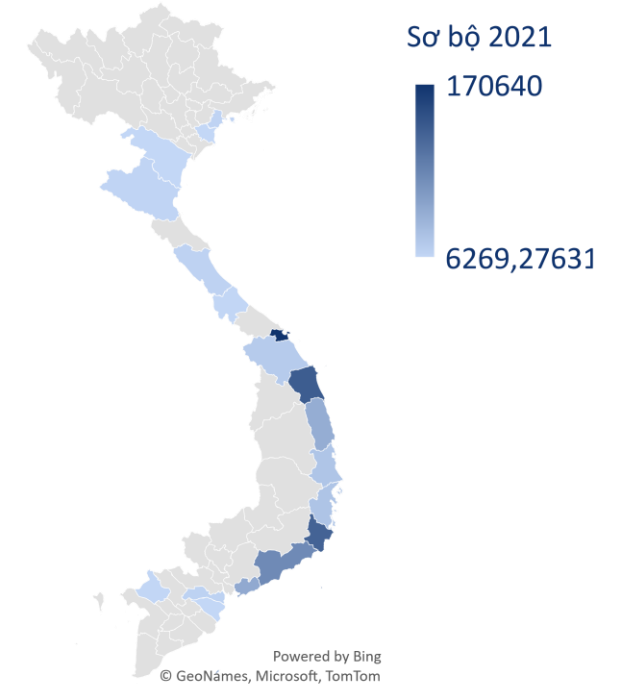
Trung bình diện tích nuôi trồng thủy sản 10 năm



Sản lượng nuôi trồng/ngàn HA



Sản lượng đánh bắt/ngàn HA



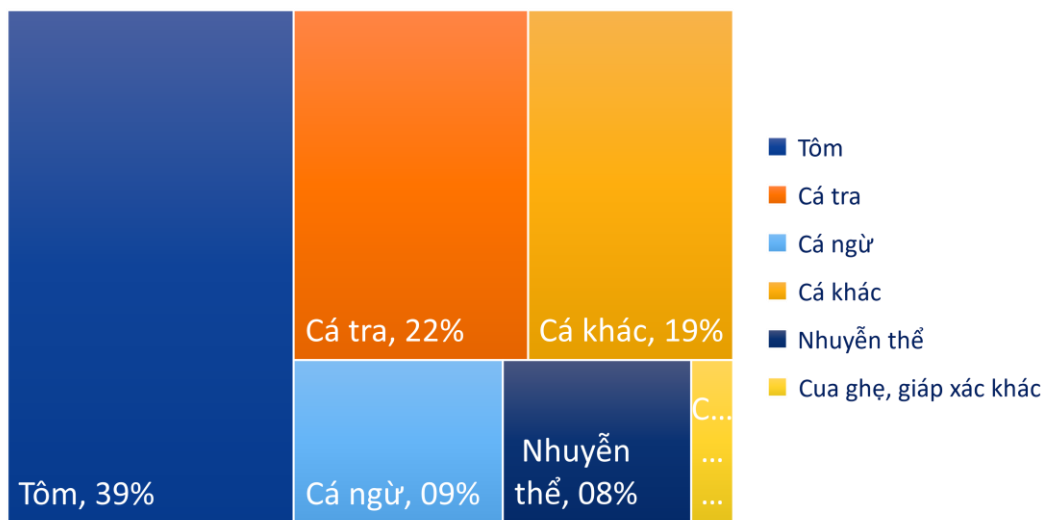
Theo số liệu sơ bộ 2021, **sản lượng thủy sản** nuôi trồng chiếm 55%, tập trung phần lớn ở khu vực ĐBSCL: An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ,... với thế mạnh phục vụ xuất khẩu, chiếm 95% tổng sản lượng cá tra và 80% sản lượng tôm.

Trong khi đó, sản lượng đánh bắt chiếm 44% và tập trung vào các vùng ven biển Đông: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận,...

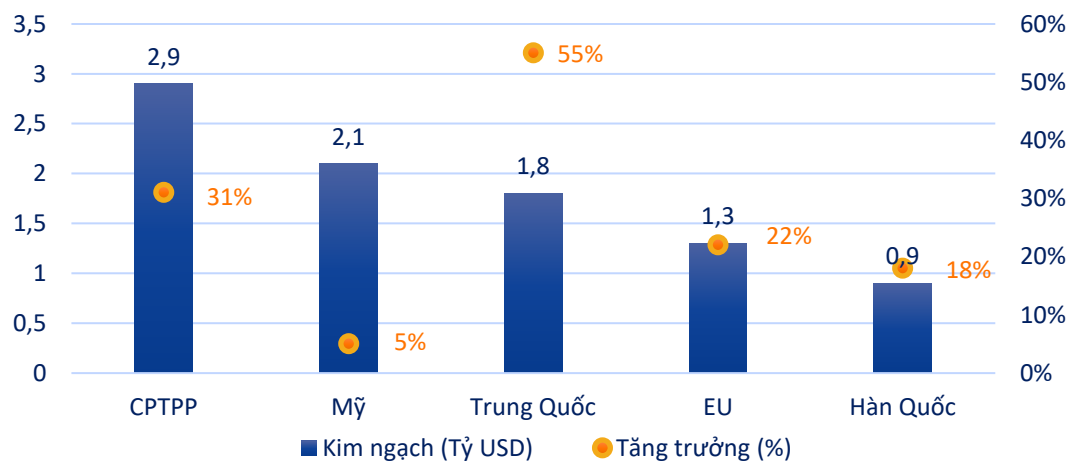
1. Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam

Thực trạng và số liệu xuất khẩu thủy sản

Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu thủy sản năm 2022



Top 5 thị trường nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam



Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt kỷ lục 11 tỷ USD, tăng 23% với nhiều con số đáng chú ý:

- Giá trị sản xuất thủy sản tăng 3%, tổng sản lượng đạt 9,06 triệu tấn, tăng 3,1% so với năm 2021.
- Sản lượng khai thác giảm 1,8%, sản lượng nuôi trồng tăng 7% so với năm 2021 theo chủ trương giảm khai thác để bảo vệ nguồn thủy sản và tăng nuôi trồng.

Thủy sản năm 2022 trải qua giai đoạn bùng nổ về xuất khẩu, chủ yếu nhờ cá tra:

- Sản lượng cá tra chiếm tỷ lệ lớn trên tổng sản lượng ngành thủy sản.
- Nhu cầu tăng cao đồng đều trên các thị trường chính.

Xuất khẩu chậm dần về nửa cuối năm 2022:

- Tháng 11, xuất khẩu tôm, cá tra, cá ngừ giảm đột biến 20 - 26% so với cùng kỳ.
- Cạnh tranh gay gắt hơn từ các nước có chi phí thấp và giá bán rẻ hơn như Ecuador và Ấn Độ.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ ổn định quanh 85% tổng doanh thu ngành.

Theo khảo sát trên 117 doanh nghiệp thủy sản về **triển vọng ngành** năm 2023 cho dự báo tiêu cực:

- Chỉ 7% doanh nghiệp lạc quan
- 71% đánh giá khó khăn
- Hơn 22% đánh giá rất khó khăn

2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Tôm

Tổng quan các thị trường xuất khẩu tôm chính của Việt Nam

**TÔM CHIẾM 39%
TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU
THỦY SẢN NĂM 2022**

Tổng kim ngạch xuất khẩu tôm năm 2022 tăng 11%. Hiện đang có sự phân hóa trong kim ngạch xuất khẩu đi các thị trường tôm lớn nhất của Việt Nam

Các thị trường chính nhập khẩu tôm Việt Nam năm 2022



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Tôm

Tổng quan các thị trường xuất khẩu tôm chính của Việt Nam

- **Thị trường Mỹ** năm 2022 thu hẹp 23% so với năm 2021, tuy vậy vẫn là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất từ Việt Nam.
- Hai thị trường lớn thứ 2 và 3 là **EU và Nhật** tuy không tăng trưởng mạnh nhưng vẫn là tín hiệu tích cực trong bối cảnh lạm phát tăng cao và tiêu dùng thắt chặt trên 2 khu vực này.
- Thị trường **Trung Quốc & Hồng Kông** có mức tăng trưởng đáng chú ý 61%, đồng thời cũng là thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn, có thể là động lực cho sự phát triển của ngành tôm năm 2023.

Các thị trường chính nhập khẩu tôm Việt Nam năm 2022



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản

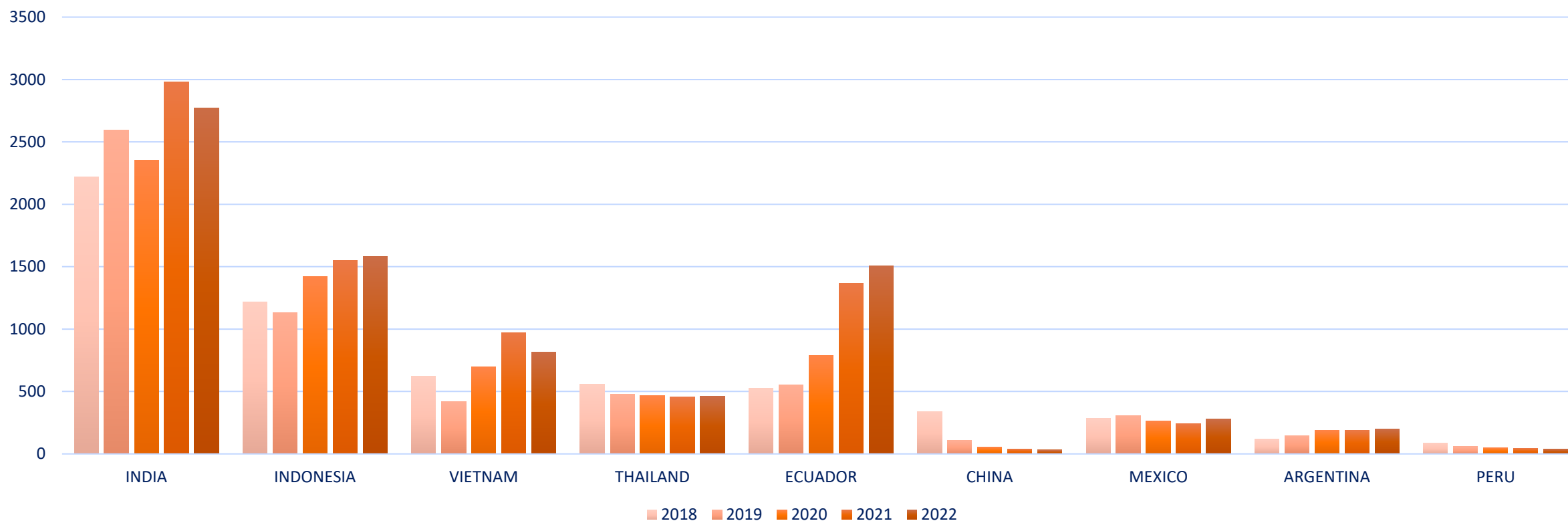


Tôm

Thị trường Mỹ: Giảm nhập khẩu tôm do điều kiện kinh tế, chưa khả quan với Việt Nam trong 2023

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, tính tới tháng 11/2022, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ đạt hơn 773 triệu USD, giảm 21% so với cùng kỳ năm 2021.

Các nước xuất khẩu tôm lớn nhất đến Mỹ (Triệu USD)



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Tôm

Thị trường Mỹ: Giảm nhập khẩu tôm do điều kiện kinh tế, chưa khả quan với Việt Nam trong 2023

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TÔM ĐI MỸ NĂM 2022

Thứ hạng (USD) năm 2022	Quốc gia	Khối lượng (Tấn)	% YoY	Giá trị (Triệu USD)	% YoY
1	INDIA	303,577	-11%	2,771	-7%
2	INDONESIA	166,954	-4%	1,581	2%
3	ECUADOR	199,813	9%	1,508	10%
4	VIETNAM	70,885	-20%	817	-16%
5	THAILAND	38,385	-5%	459	1%
6	MEXICO	20,982	2%	278	15%
7	ARGENTINA	16,367	-3%	200	6%
8	PERU	3,903	-29%	37	-19%
9	CHINA	5,380	-32%	32	-24%

Ecuador: Dẫn đầu tăng trưởng khối lượng nhờ đẩy mạnh xuất khẩu tôm cho Mỹ từ tháng 6/2021 khi Trung Quốc tạm dừng nhập khẩu do COVID.

- Khối lượng xuất khẩu đi Mỹ tăng nhưng giá tăng chậm hoặc giảm.
↳ Ecuador chiết khấu giá để tăng thị phần.

Ấn Độ:

- Đối thủ cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm tôm lột vỏ đông lạnh (Chiếm ¼ lượng xuất khẩu tôm của VN). Giá sản phẩm rẻ hơn VN
- Kim ngạch xuất khẩu Mỹ 2022 sụt giảm 7% so với cùng kỳ.

Việt nam:

- Thị trường tôm Việt Nam đi Mỹ sụt giảm mạnh nhất trong top 5 các nước xuất khẩu tôm đi Mỹ năm 2022, một phần do sản phẩm thiếu cạnh tranh về giá cả.
- Kim ngạch xuất khẩu Mỹ tháng 10/2022 sụt giảm mạnh nhất 41% so với cùng kỳ.

Mexico:

- Có thể thấy lượng nhập khẩu từ Mexico tăng trưởng không nhiều nhưng giá trị tăng tích cực nhất.
↳ Mỹ có thể đang ưu tiên nhập khẩu từ Mexico với giá sản phẩm cao hơn, bù lại chi phí vận chuyển giáp ranh biên giới thấp.

2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



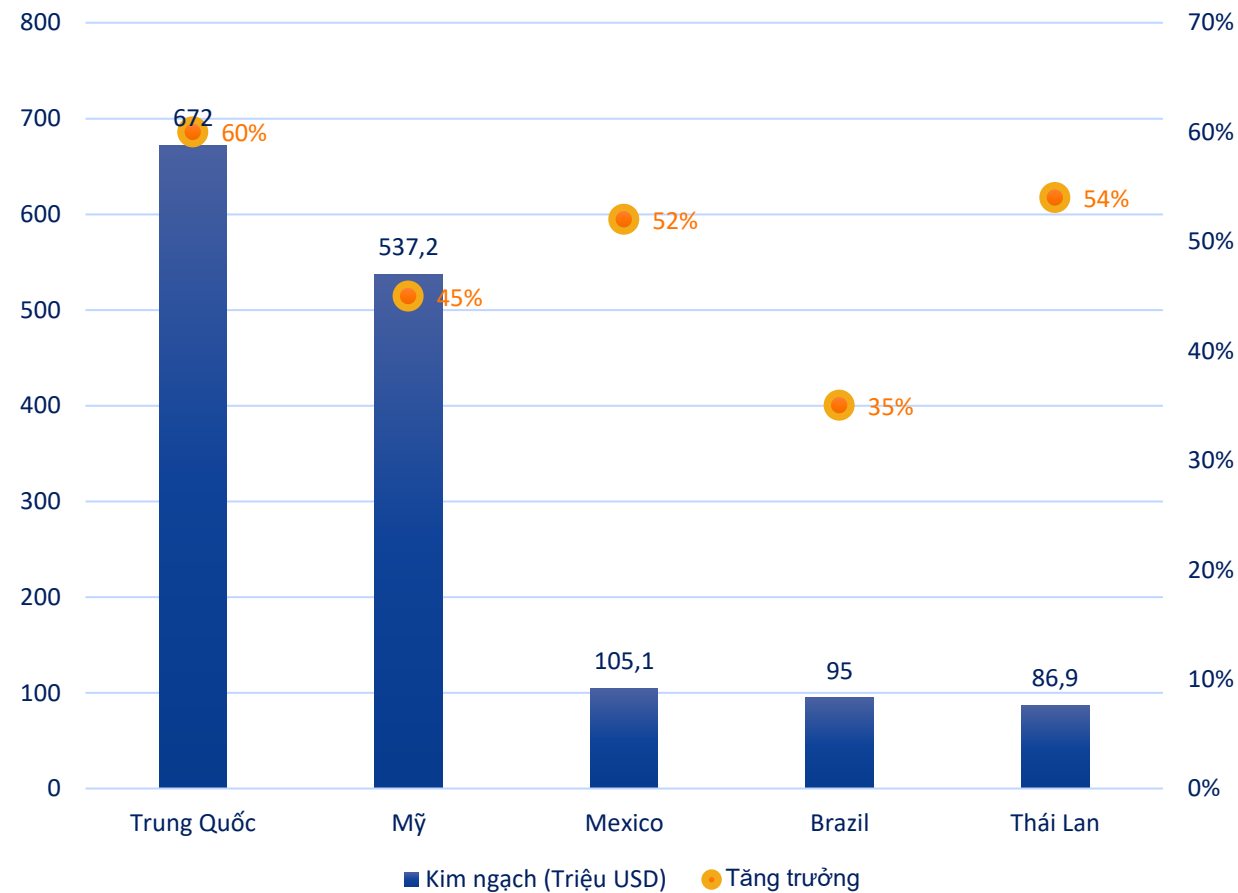
Cá tra

Tổng quan các thị trường xuất khẩu cá tra chính của Việt Nam

CÁ TRA CHIẾM 22% TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN NĂM 2022

Tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra năm 2022 đạt 2,44 tỷ USD, tăng mạnh 51% so với cùng kỳ. Hầu hết sản phẩm xuất khẩu là cá tra phi lê đông lạnh (chiếm 86% sản phẩm xuất khẩu cá tra). Hiện đang có sự phân hóa trong kim ngạch xuất khẩu đi các thị trường lớn nhất của Việt Nam.

Các thị trường chính nhập khẩu cá tra Việt Nam năm 2022



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản

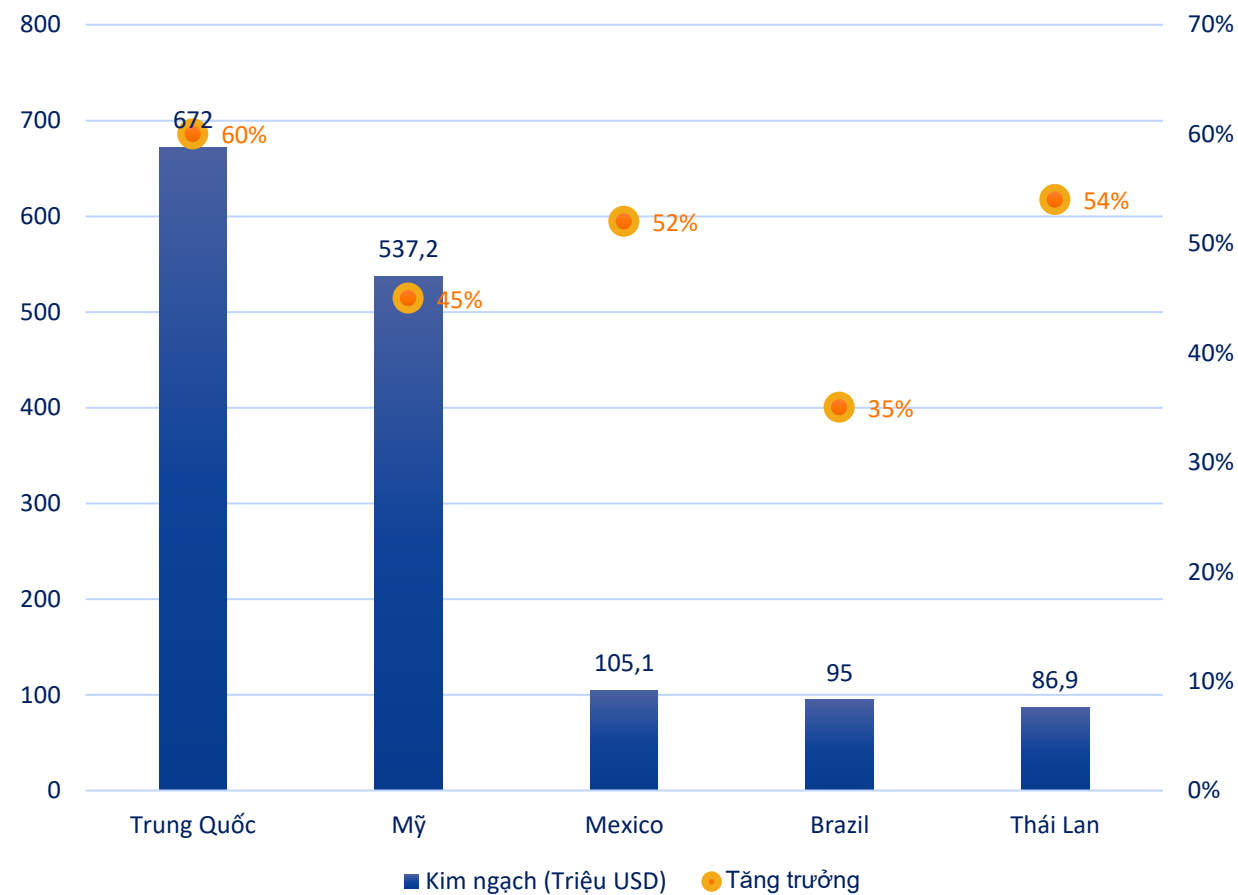


Cá tra

Tổng quan các thị trường xuất khẩu cá tra chính của Việt Nam

- Các thị trường cá tra lớn nhất của Việt Nam đều có sự tăng trưởng mạnh, đặc biệt là Trung Quốc với mức tăng 60% trên nền thấp của giai đoạn đóng cửa do COVID-19.
- Lượng xuất khẩu cá tra của Việt Nam có phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc và Mỹ (chiếm 49.6% tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra 2022).
- Ngoài ra, các thị trường nhỏ hơn như Mexico, Brazil, Thái Lan đều có mức tăng trưởng đáng ấn tượng từ 35% đến trên 50%.

Các thị trường chính nhập khẩu cá tra Việt Nam năm 2022



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Cá tra

Thị trường Mỹ: Nhu cầu cá tra hồi phục, Việt Nam vẫn là nguồn cung chính

Top các nước xuất khẩu cá tra sang Mỹ (Triệu USD)

Năm	2018	2019	2022	2021	2022
Việt Nam	513.98	326.11	238	318.89	556.38
Trung Quốc	36.71	27.92	31	34.65	38.43
Hàn Quốc	4.8	5.33	5.1	3.87	3
Norway	0.94	0.3	2.7	3.72	2.04
El Salvador	0.43	0.54	0.5	0.28	0.08
Nigeria		0.09	0.2	0.18	0.12
Thái Lan		0.06	0.6	0.28	0.22

Tích cực

Diễn biến cung cầu cá thịt trắng tại Mỹ đang có lợi cho cá tra:

- Giá thành phải chăng, nguồn cung ổn định.
- Lệnh cấm nhập khẩu từ Nga làm giảm nguồn cung cá tuyết.
- Cuối tháng 2 đến giữa tháng 4 nhu cầu tiêu thụ cá sẽ tăng do vào mùa Chay*.

↳ Cá tra, cá rô phi, cá minh thái có thể sẽ được nhập khẩu mạnh hơn để bù đắp cho nguồn cung cá thịt trắng thiếu hụt từ Nga trong 2023, đặc biệt là nửa đầu năm.

*Mùa Chay: Giai đoạn kiêng ăn thịt (động vật có vú và gà) của người thuộc Kitô giáo (Cơ đốc giáo/Christianity), chiếm khoảng hơn 70% tôn giáo tại Mỹ.

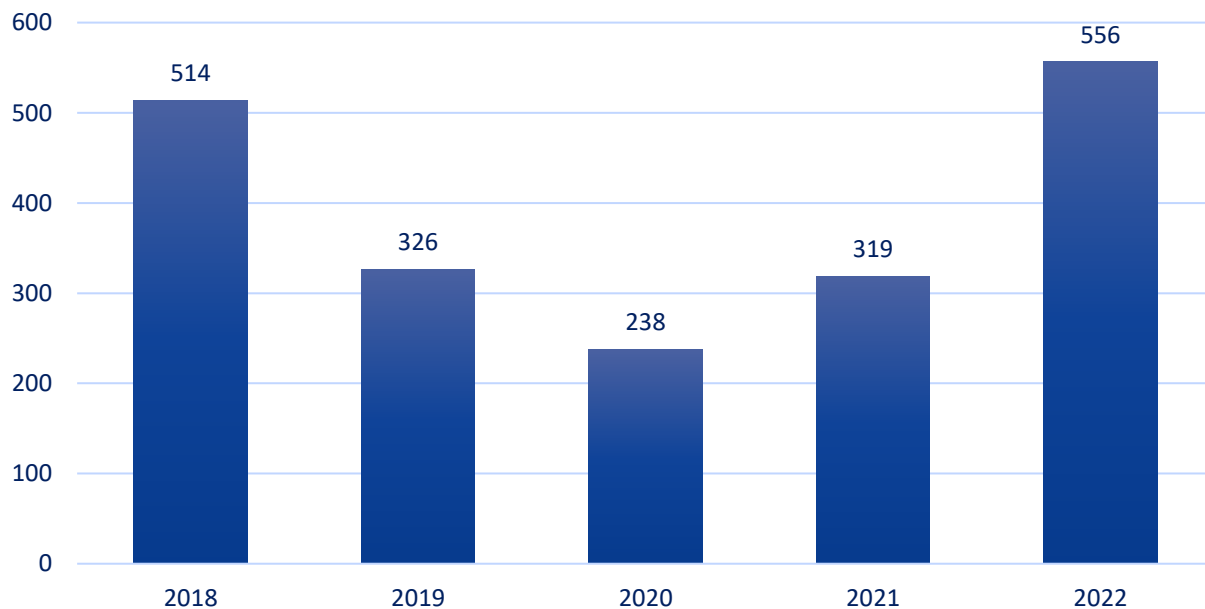
2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Cá tra

Thị trường Mỹ: Nhu cầu cá tra hồi phục, Việt Nam vẫn là nguồn cung chính

Kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam đi Mỹ (Triệu USD)



Tiêu cực

Nhu cầu cá tra của Mỹ hồi phục mạnh năm 2022, tuy vậy có thể thấy rõ sự hạ nhiệt về cuối năm. Lượng nhập khẩu cá tra từ Việt Nam giảm mạnh trong Q4 và kéo dài tới đầu năm 2023.

Tháng 1/2023, giá trung bình xuất khẩu cá tra sang Mỹ cũng giảm mạnh 34%, một phần được lý giải bởi lượng tồn kho lớn tại các doanh nghiệp nhập khẩu tại Mỹ.

↳ Tình hình kinh tế đình trệ và tăng lãi suất kéo dài tại Mỹ sẽ tiếp tục tạo áp lực lên các doanh nghiệp nhập khẩu.

2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản

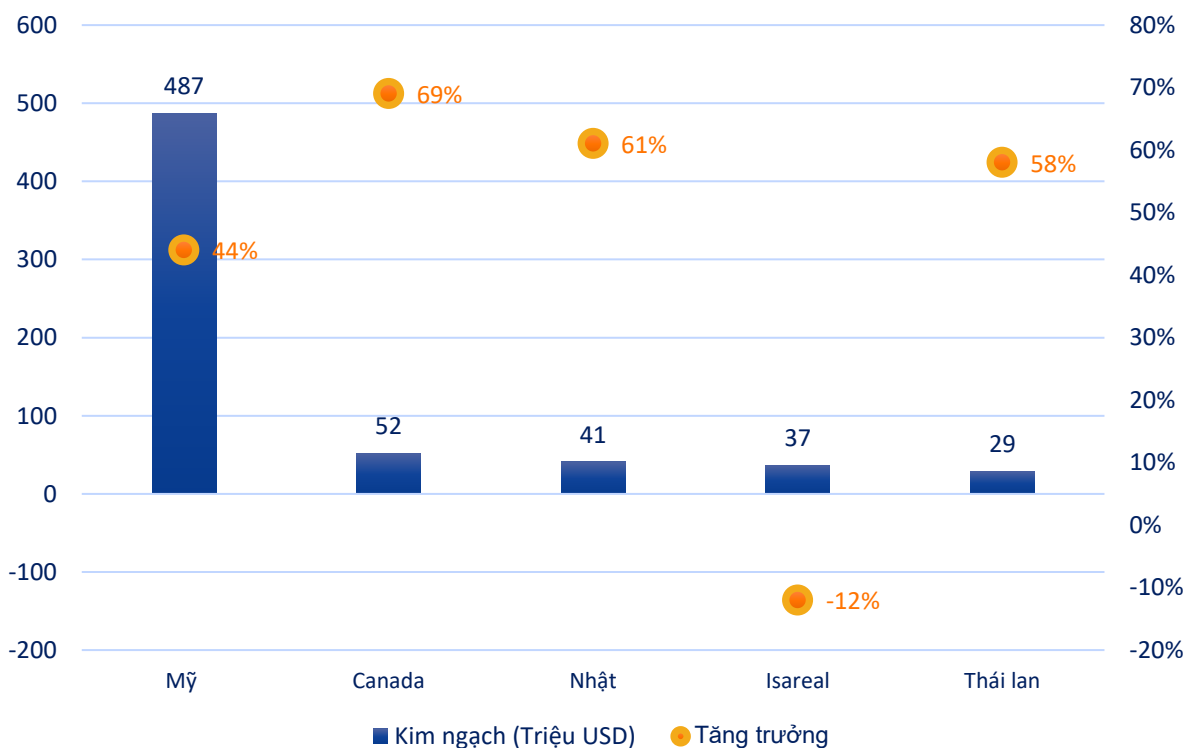


Cá ngừ và các loại hải sản khác

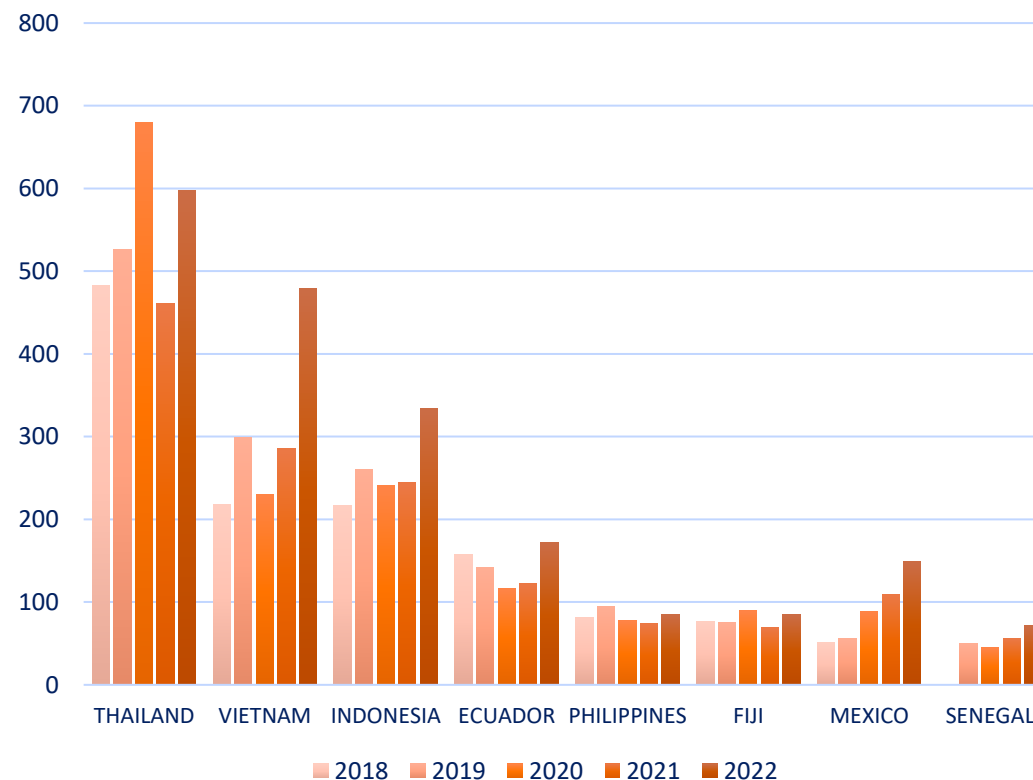
Kim ngạch cá ngừ tăng mạnh, xuất khẩu phụ thuộc vào Mỹ

Kim ngạch xuất khẩu cá ngừ năm 2022 đạt 1,02 tỷ USD (9% tổng kim ngạch XK thủy sản), tăng 34% so với cùng kỳ và cao nhất 5 năm 2018-2022. Nước nhập khẩu sản phẩm cá ngừ chủ yếu là Mỹ (47.7%).

Các thị trường chính nhập khẩu cá ngừ Việt Nam năm 2022



Các nước xuất khẩu cá ngừ lớn nhất đến Mỹ (Triệu USD)



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản



Cá ngừ và các loại hải sản khác

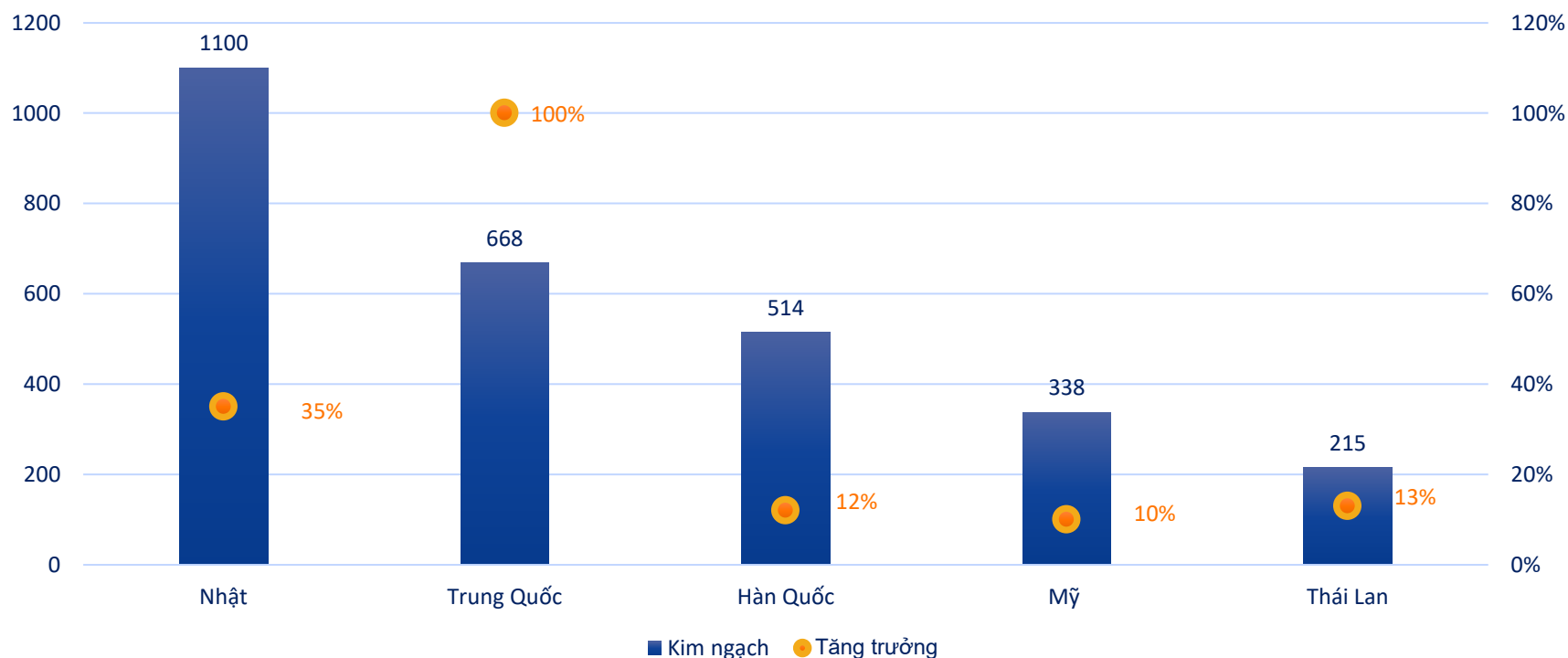
Xuất khẩu các loại thủy sản khác mạnh hơn tại thị trường châu Á

Kim ngạch xuất khẩu các loại hải sản khác đạt 3,7 tỷ USD (chiếm 33.6% tổng kim ngạch XK thủy sản), tăng 30% so với cùng kỳ. Trong đó, các loại cá biển khác đạt 2,01 tỷ USD, chiếm 54% tỷ trọng mảng này với mức tăng trưởng 23% so với cùng kỳ.

CÁC LOẠI THỦY SẢN KHÁC CHIẾM 34% TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN NĂM 2022

Đáng chú ý sự tăng trưởng đột biến 100% từ thị trường Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng cho năm 2023.

Các thị trường chính nhập khẩu các loại thủy sản khác của Việt Nam năm 2022



2. Các sản phẩm chính ngành thủy sản

Tổng hợp sản phẩm và các thị trường chính

Sản phẩm									
Thị trường	Tỷ trọng XK	Tôm	39%	Cá tra	22%	Cá ngừ	9%	Các loại thủy sản khác	34%
		Thị phần sản phẩm	Tăng trưởng	Thị phần sản phẩm	Tăng trưởng	Thị phần sản phẩm	Tăng trưởng	Thị phần sản phẩm	Tăng trưởng
	Mỹ	19%	-23%	22%	45%	49%	44%	9%	10%
	Trung Quốc	15%	61%	28%	60%			18%	100%
	Nhật	16%	16%			4%	61%	30%	35%
	Hàn quốc	11%	26%					14%	12%
	Thái Lan			4%	54%	3%	58%	6%	13%
	EU	16%	13%						
	Úc	6%	44%						
	Mexico			4%	52%				
	Brazil			4%	35%				
	Canada					5%	69%		
Isareal					4%	-12%			

Sản phẩm:

- Tôm** - sản phẩm có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất: Thị trường Trung Quốc có thể sẽ thay Mỹ trở thành thị trường nhập khẩu tôm Việt Nam lớn nhất trong 2023
- Cá tra:** Thị trường cá tra có khả năng tiếp tục nở rộng nhờ nằm trong phân khúc giá rẻ hơn tôm trong bối cảnh kinh tế 2023 không quá sáng.
- Cá ngừ:** Sự phụ thuộc vào Mỹ có thể kìm hãm đà tăng năm 2023 nếu kinh tế Mỹ hồi phục kém.
- Các loại thủy sản khác:** Thị trường Trung Quốc đang trở nên đặc biệt tiềm năng với tốc độ hồi phục nhu cầu mạnh mẽ.

Đánh giá tiềm năng 2023:

- Trung Quốc:** Chứng kiến nhu cầu thủy sản hồi phục mạnh sau khi gỡ bỏ các biện pháp kiểm soát COVID gây cản trở xuất nhập khẩu và tiêu dùng. Tiềm năng tăng trưởng của các loại sản phẩm trên thị trường này là **tích cực trong 2023**.
- Các thị trường châu Á:** Kỳ vọng diễn biến tích cực hơn các thị trường Mỹ và châu Âu.
- Mỹ:** Thị trường Mỹ năm 2023 **có thể kém hơn so với 2022**, tuy vậy sự phụ thuộc sản phẩm thủy sản giữa Việt Nam và Mỹ là hai chiều nên khả năng suy giảm mạnh khó xảy ra.

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Khó khăn đầu vào

Bệnh trên thủy sản nuôi

Hiệu suất ương giống kém

Chi phí đánh bắt cao

Chi phí vận tải cao

Chăn nuôi tốn kém

Tác nhân

Biến đổi khí hậu, thời tiết bất lợi

Các thị trường xuất khẩu siết chặt tiêu chuẩn chất lượng

Giá thức ăn thủy sản tăng

Xung đột Nga - Ukraine

Tăng giá xăng dầu

Thẻ vàng IUU (Hoạt động đánh bắt cá trái phép)

Lạm phát mạnh trên Mỹ, EU, Nhật

Lãi suất cao

Khó khăn đầu ra

Khó xuất khẩu các sản phẩm khai thác sang EU

Nhu cầu tiêu thụ giảm

Nhu cầu tiêu thụ giảm

Hiệu quả hoạt động giảm

Tăng tồn kho

Tăng chi phí tài chính

Thanh toán chậm

Khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Khó khăn đầu vào

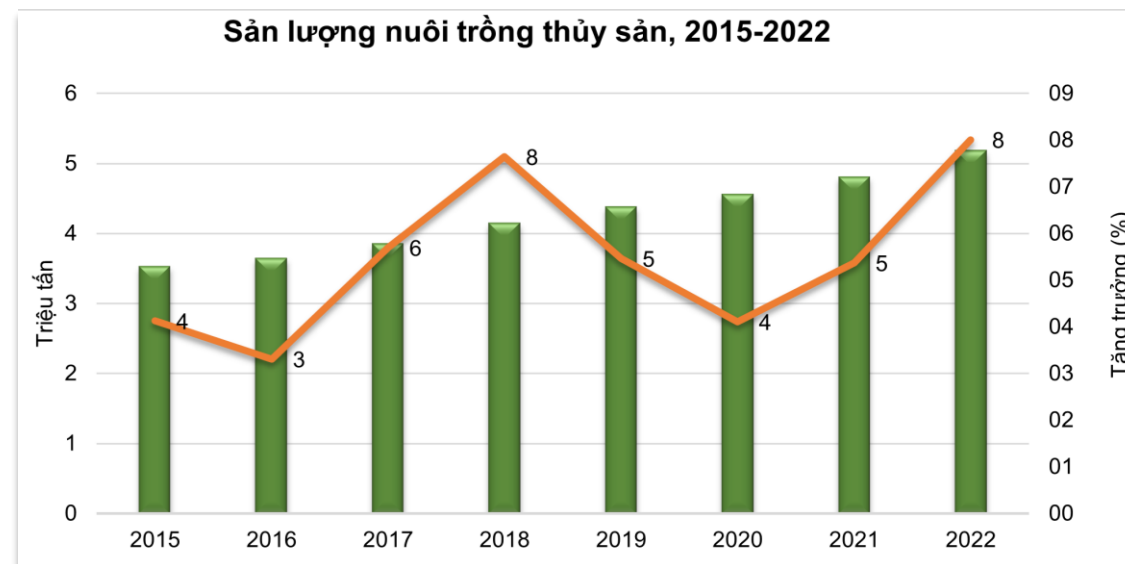
Nuôi trồng

Hiện nay thủy sản 60% là nuôi trồng, nhưng **quỹ đất cho việc phát triển rất hạn chế**, trong đó **99% nuôi biển** là quy mô hộ gia đình:

Hiện có khoảng 7.400 cơ sở nuôi biển với 248.768 lồng/bè, trong đó 6.500 cơ sở hầu hết ở gần bờ, chỉ có dưới 10 doanh nghiệp nuôi biển theo hướng công nghiệp.

↳ Nuôi biển nhỏ lẻ đã đến ngưỡng cần được chuyển đổi sang hướng công nghiệp, tổ chức lại các cơ sở, dịch chuyển ra xa bờ, nâng cấp công nghệ và thay đổi kỹ thuật nuôi.

Giá thức ăn tăng cao, các nguyên liệu nuôi trồng thiết yếu như xăng dầu, hóa cũng tăng giá. Qua thời gian thua lỗ kéo dài do đầu vào tăng cao khiến nhiều hộ dân bỏ ao, nhu cầu tăng đột biến từ Trung Quốc đầu năm 2023 cũng khó có thể được đáp ứng.



Nguồn: Vasep

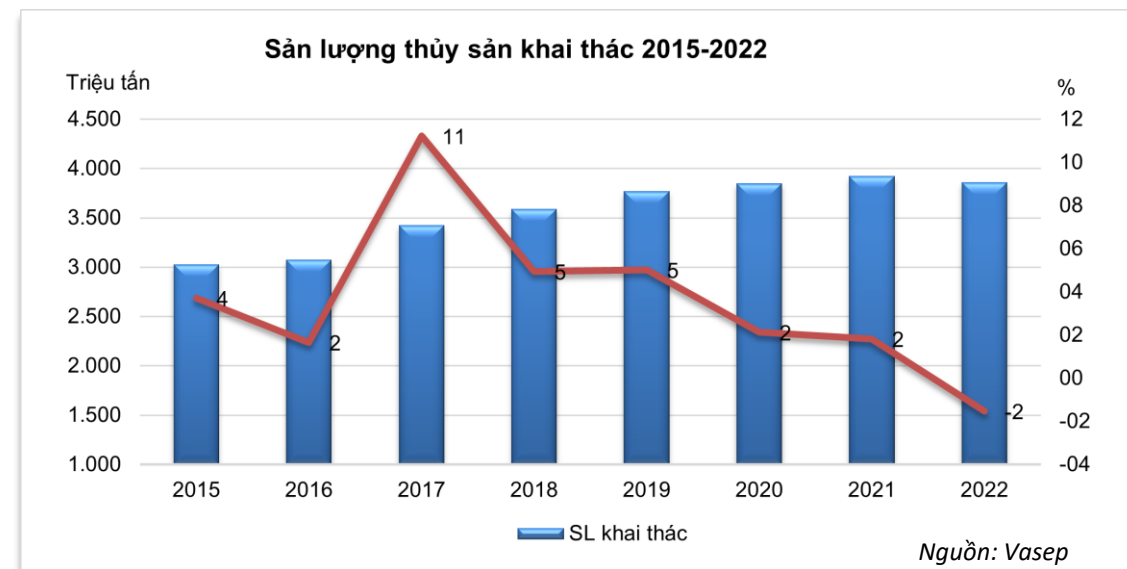
3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Khó khăn đầu vào

Đánh bắt

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang **thị trường EU** ngày càng mờ nhạt và thu hẹp vì ảnh hưởng **thẻ vàng IUU***, thủ tục làm giấy xác nhận và chứng nhận gặp nhiều khó khăn. Tháng 10/2022, đoàn thanh tra của Ủy ban châu Âu (EC) đã kiểm tra tình trạng IUU nhưng vẫn chưa gỡ cảnh báo thẻ vàng. Đồng thời từ tháng 12/2022, Nhật Bản cũng thắt chặt kiểm soát IUU tại Việt Nam.

Xung đột Nga – Ukraine năm 2022 càng gây áp lực lên việc đánh bắt do giá xăng dầu tăng vọt khiến ngư dân khó ra khơi.



*IUU - chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

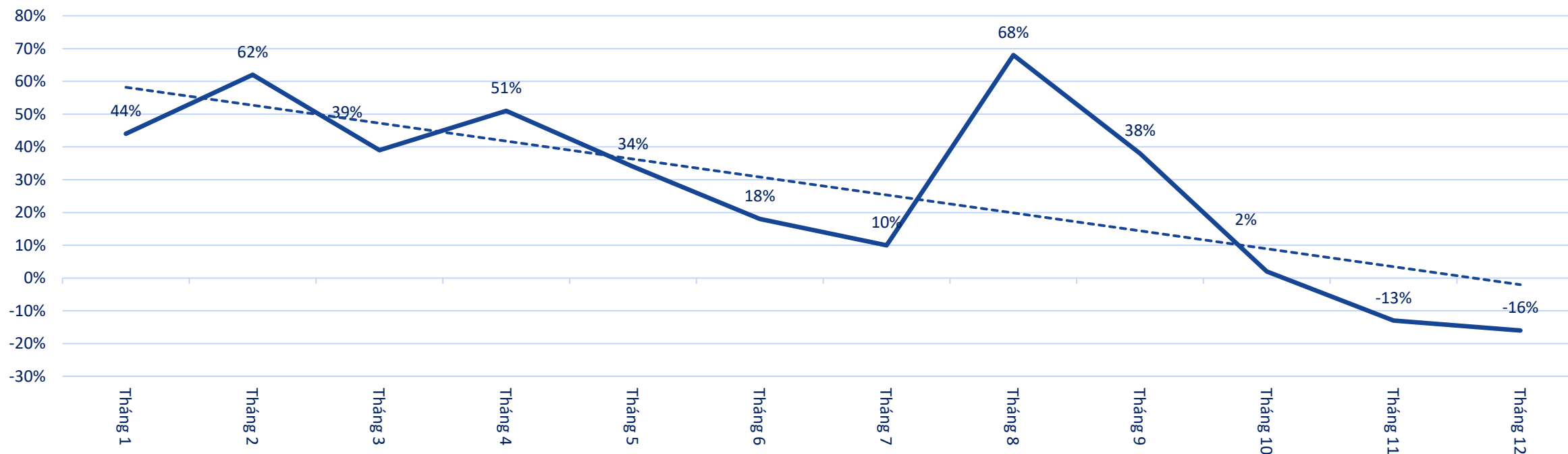
Khó khăn đầu ra

Tồn kho các đơn vị nhập khẩu lớn

Mặc thủy sản là mặt hàng thực phẩm quan trọng nhưng tiêu thụ rất chậm, hiện tượng tồn kho tại các đơn vị nhập khẩu Mỹ lớn và có thể tương tự tại các nước xuất khẩu chính của thủy sản Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng của xuất khẩu thủy sản 2022 cũng cho thấy xu hướng sụt giảm mạnh từ mức 60% về tăng trưởng âm trong 2 tháng cuối năm.

↳ Ngành thủy sản Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn khi nhu cầu nhập khẩu của các nước đang trong đà sụt giảm khi hướng tới 2023.

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 2022 (% YoY)



3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Khó khăn đầu ra

Nhiều thị trường xuất khẩu không thuận lợi

Tháng 1/2023, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 600 triệu USD, giảm 31%. Trong đó, cá tra -50%, tôm -46%, cá ngừ -32%; mực, bạch tuộc +4% và các loài cá biển khác +6% so với cùng cùng kỳ 2022.



Thị trường cá tra suy yếu đầu năm, Mỹ giảm mạnh nhập khẩu

Lượng xuất khẩu thủy sản tháng 1 tiếp tục giảm sâu 61% so với cùng kỳ và 44% so với tháng 12/2022.

Trong đó, lượng xuất khẩu sang tất cả các thị trường chính đều giảm 2 con số. Thị trường Mỹ giảm sâu nhất 81% so với cùng kỳ 2022, đồng thời giá trung bình xuất khẩu cá tra sang Mỹ tháng 1/2023 cũng giảm mạnh 34%.

Tại Mỹ, lạm phát thủy sản vẫn thấp hơn so với nhiều sản phẩm khác, nhưng giá tăng tiếp tục ảnh hưởng đến doanh số bán hàng.

Cạnh tranh về nguồn cung và giá bán

Việt Nam phải cạnh tranh với các nước sản xuất, xuất khẩu thủy sản khác như Ấn Độ, Ecuador về nguồn cung và giá bán. Chi phí sản xuất tôm nguyên liệu của Việt Nam còn quá cao, dẫn đến giá thành thiếu cạnh tranh, trong khi tỷ lệ nuôi thành công lại thấp hơn do vấn đề từ chất lượng con giống và môi trường nuôi.



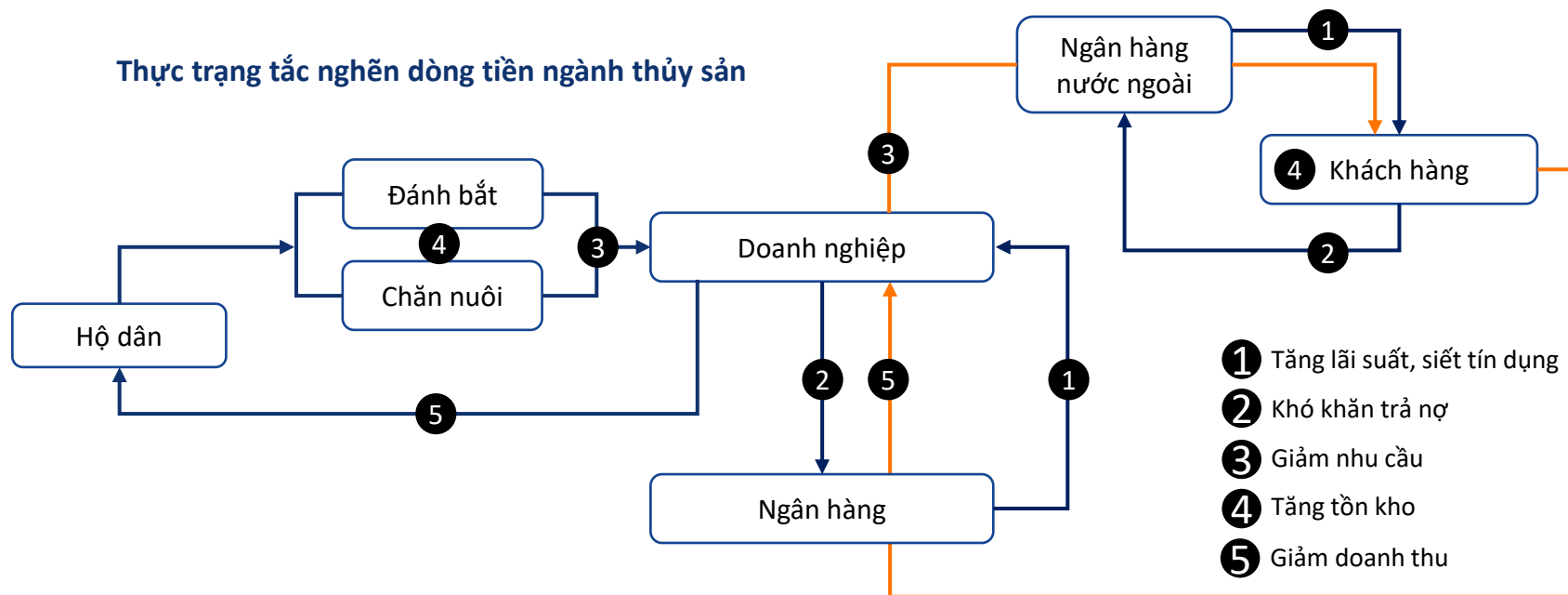
Việc Trung Quốc mở cửa trở lại có thể là kỳ vọng chính cho thị trường cá tra năm 2023, tuy vậy, **thị trường Trung Quốc nhạy cảm hơn về giá** khiến cho giá bán bình quân luôn thấp hơn khoảng 40% so với thị trường Mỹ.

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

➤➤➤ Tắc nghẽn dòng tiền

Room tín dụng bị siết chặt dẫn đến chỉ khoảng 60% doanh nghiệp thủy sản được giải ngân tín dụng trong Q4/22, nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ không được giải ngân và không có đơn hàng.

↳ Các doanh nghiệp đứng trước khó khăn dòng tiền kinh doanh.



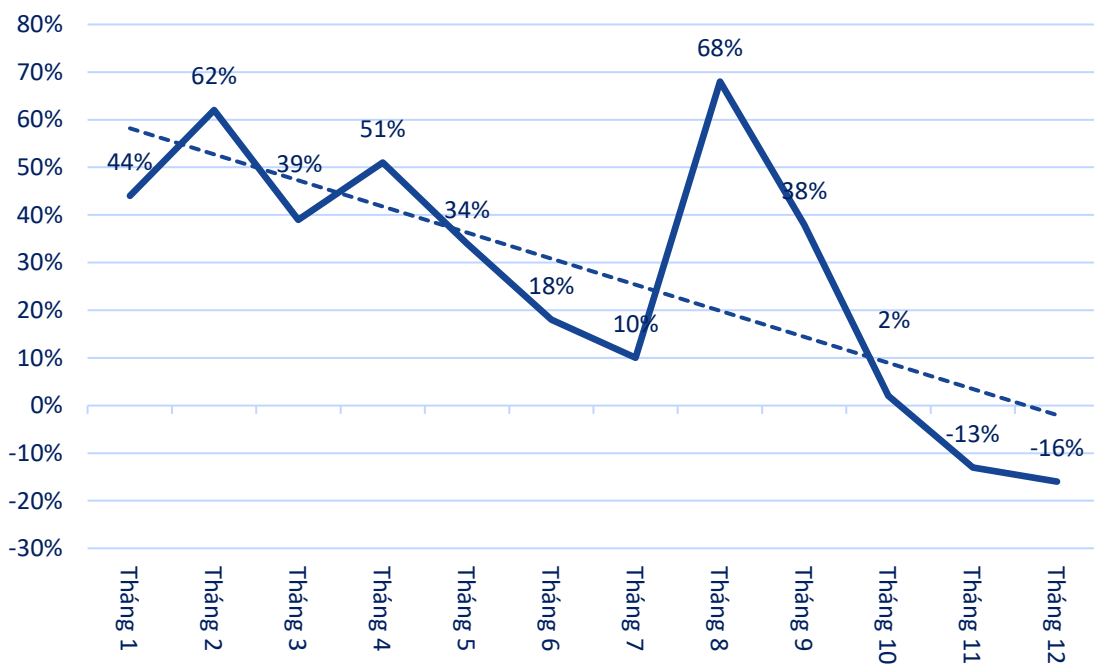
3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

➤➤➤ Mất cân bằng cung – cầu sau tăng giá

Quá trình thua lỗ kéo dài do giá đầu vào tăng cao gây ra tình trạng bỏ ao, cá quá lứa,... trong khi thị trường Trung Quốc bắt đầu có dấu hiệu thu mua mạnh trở lại, gây ra tình trạng **tăng giá bán cá tra do cung không đủ cầu**.

Các sản phẩm **tôm đang gặp nhu cầu sụt giảm**, đặc biệt tại thị trường Mỹ do giá sản phẩm đầu ra tăng do các nhà bán lẻ bị đội chi phí năng lượng, lưu kho, và giá đầu vào cao từ giai đoạn thu mua trước đó.

Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 2022 (% YoY)



↳ Doanh thu từ thị trường Trung Quốc có thể hỗ trợ cho sự sụt giảm từ thị trường Mỹ, nhưng khó có thể tăng trưởng mạnh trong nửa đầu năm 2023 do:

- Cung không đủ đáp ứng nhu cầu đột biến từ Trung Quốc sẽ chỉ tạo ra giai đoạn tăng giá trong ngắn hạn, trong khi đó chi phí nuôi trồng thủy sản vẫn đang ở mức cao, gây rủi ro lớn cho việc chăn nuôi mới do không thể dự báo biến động giá tương lai

> **Nguồn cung cá tra của Việt nam có thể sẽ vẫn tiếp tục duy trì ở mức trung bình trong năm 2023, chưa có kỳ vọng tạo ra lợi nhuận đột biến so với 2022.**

- Ngược lại, các sản phẩm tôm xuất khẩu sẽ gặp khó khăn do nhu cầu thấp đến từ người tiêu dùng cuối, phần lớn do giá bán lẻ bị đẩy cao, các sản phẩm đông lạnh có khả năng lưu kho cũng sẽ không gặp áp lực bán giảm giá trong ngắn hạn

> **Dự báo giá tôm đầu ra sẽ tiếp tục neo cao, tốc độ tiêu thụ tôm năm 2023 sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào sức mua của người tiêu dùng khi điều kiện kinh tế tích cực hơn.**

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

➤➤➤ Cơ hội: Miễn kiểm dịch thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu

Ngày 28/7/2022, bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư 06/2022/TT-BNNPTNT. Theo đó, sản phẩm động vật thủy sản **nhập khẩu làm nguyên liệu** để gia công xuất khẩu, sản xuất xuất khẩu **được miễn kiểm dịch**.

↳ Thay đổi này **tháo gỡ được gánh nặng về thủ tục** cho các doanh nghiệp thủy sản nhập khẩu gia công trong bối cảnh nguồn nguyên liệu trong nước không ổn định và thiếu hụt theo mùa vụ.

➤➤➤ Cơ hội: Thị trường châu Á tiềm năng hơn Mỹ

Nhu cầu tôm thế giới phần lớn đến từ Mỹ và châu Á, trong đó Trung Quốc là thị trường tiêu thụ chính tại châu Á.

So sánh cho thấy:

- Trung Quốc có tốc độ phát triển nhu cầu tiêu thụ tôm nhanh nhất với CAGR 12% trong 4 năm gần nhất
- Mỹ đạt 9%
- Châu Âu chỉ 2%.

Số liệu xuất khẩu thủy sản tháng 1/2023 đạt 457 triệu USD, giảm 47% so với tháng trước và giảm 39% so với cùng kỳ. Trong đó, **xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc giảm mạnh**, trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang **Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan tăng** cho thấy nhu cầu từ thị trường châu Á có sự dịch chuyển nhưng vẫn mạnh trong ngắn hạn.

Hiện Nhật Bản là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 1/2023 mặc dù tăng trưởng vẫn âm so với tháng trước đó và cùng kỳ.

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

➤➤➤ Cơ hội: Thị trường châu Á tiềm năng hơn Mỹ

Thị trường Trung Quốc: Mở cửa trở lại với kỳ vọng tiêu thụ hồi phục sau khi kiểm soát được COVID

Trong năm 2022, **Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản trở thành thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2 của Việt Nam** sau khi bỏ chính sách đình chỉ nhập khẩu thực phẩm đông lạnh vào tháng 7/2022.

Hướng tới 2023, **Trung Quốc có thể sẽ trở thành nước xuất khẩu thủy sản tiềm năng nhất** của Việt Nam nhờ nhu cầu hồi phục, vị trí địa lý giáp ranh giảm rủi ro và chi phí.

- **Tiêu thụ:** Do ảnh hưởng bởi tình hình COVID, giữa năm (Q3) là cao điểm nhập khẩu thủy sản, còn Q2 và Q4 tương đối thấp. Tiêu thụ thủy sản của Trung Quốc đã phục hồi đáng kể gần Tết 2023, các doanh nghiệp nhỏ được hưởng lợi nhiều nhất nhờ tiêu thụ thực phẩm tăng 25% so với Tết năm 2022. Tiêu dùng tại chỗ phục hồi trong khi tiêu dùng trực tuyến vẫn duy trì đà tăng mạnh.
- **Giá trị:** Tổng kim ngạch nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc năm 2022 của hầu hết các sản phẩm thủy sản đạt giá trị cao nhất trong 5 năm, kỳ vọng tiếp tục sự phục hồi mạnh vào năm 2023.
- **Sản phẩm:** Cá đông lạnh chiếm tỷ trọng lớn (gần 46%) trong tổng sản phẩm thủy sản nhập khẩu của Trung Quốc.
- **Nhu cầu:** Sản lượng tôm nội địa của Trung Quốc sụt giảm do thời tiết bất lợi và dịch bệnh ở một số khu vực sản xuất tôm chính khiến thị trường thủy sản Trung Quốc tạm thời phụ thuộc nhiều hơn vào nhập khẩu.

↳ Khả năng cao Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu thực phẩm để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại chỗ sau khi tình hình COVID-19 ổn định trở lại, tạo cơ hội lớn cho thị trường Việt Nam trong năm 2023.

3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

➤➤➤ Cơ hội: Thị trường châu Á tiềm năng hơn Mỹ



Thị trường Hàn Quốc: Cạnh tranh tốt ở phân khúc giá thấp

Việt Nam hiện vẫn đứng đầu trong các nguồn tôm chính cho Hàn Quốc, đồng thời đứng thứ 2 trong nguồn cung mực, bạch tuộc chỉ sau Trung Quốc.

Trong đó, thị trường Việt Nam đang cung cấp mực cho Hàn Quốc với mức giá trung bình tương đối thấp 5 USD/kg so với 2 nước cạnh tranh xuất khẩu lớn nhất là Thái Lan 8,68 USD/kg và Indonesia 6,38 USD/kg.



Thị trường Thái Lan: Tăng trưởng nhập khẩu đều đặn, cầu tăng trong khi cung giảm

Năm 2022 Thái Lan vẫn tiếp tục là nước nhập khẩu cá tra lớn nhất trong khối ASEAN từ Việt Nam với tốc độ tăng trưởng mạnh trên 50%, cùng với việc mở cửa du lịch khiến nhu cầu tiêu thụ tại Thái Lan tăng. Từ cuối năm 2022, Thái Lan vẫn đang đối mặt với dịch bệnh tôm lây lan, khiến sản lượng có thời điểm giảm chỉ còn ½ khiến chính phủ cho phép nhập khẩu khẩn cấp để đáp ứng nhu cầu trong nước.

↳ Cơ hội cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam xuất sang Thái Lan vẫn tích cực trong 2023.



3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Biến số và thay đổi trên các thị trường

Thị trường Nhật: siết số lượng, bù lại giá tăng cao

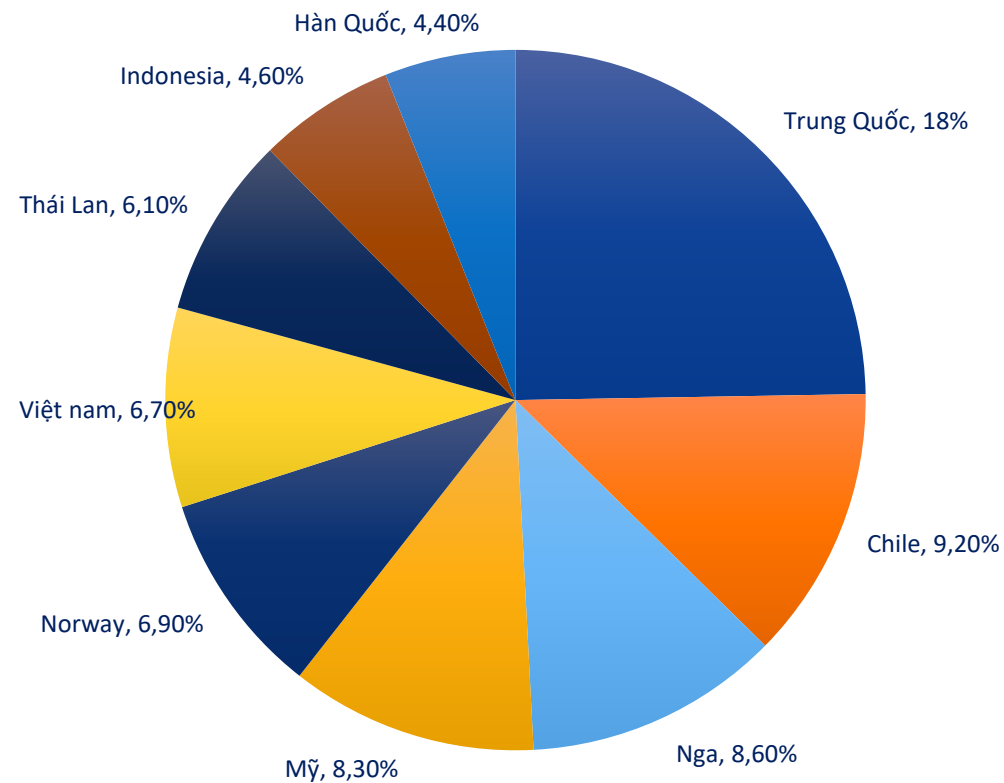
Năm 2022, Nhật Bản nhập khẩu bạch tuộc đông lạnh từ Việt Nam tăng 29% về lượng và 18% về giá so với cùng kỳ. Tuy vậy so với giai đoạn 2016 - 2020, lượng nhập khẩu giảm rõ rệt 27%, trong khi giá tăng thêm 85%, gần gấp đôi so với đầu kỳ.

Mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người ở Nhật Bản giảm dần từ 40kg/người/năm 2001 xuống chỉ còn hơn 23kg/người/năm vào 2020. Lý do chính được cho rằng người tiêu dùng khó tiếp cận mặt hàng này do giá sản phẩm và lương dầu bếp tăng cao.

So với năm 2000, khối lượng nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản giảm 36%, tuy nhiên giá trị vẫn tăng 17% do giá trung bình tăng mạnh 83%. Từ tháng 12/2022, Nhật Bản cũng thắt chặt kiểm soát IUU tại Việt Nam.

↳ Về ngắn hạn, thị trường Nhật vẫn đang ổn định và tăng trưởng tốt trong ngắn hạn, nhưng sẽ không phải là điểm đến tiềm năng trong dài hạn nếu các bất cập về kiểm soát IUU chưa được giải quyết.

Top các nước xuất khẩu đến Nhật



3. Các khó khăn và cơ hội ngành thủy sản

Biến số và thay đổi trên các thị trường



Thị trường châu Âu: Hưởng lợi về giá và chi phí, khó khăn tiêu chuẩn và hồ sơ

Khối EU27 chiếm khoảng 12% giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam với mức tăng trưởng khá chậm chỉ khoảng 2-4%. Mặc dù hiện Việt Nam vẫn đang hưởng lợi từ hiệp định EVFTA giảm chi phí, nhưng thẻ vàng IUU và các yêu cầu cao về chất lượng và hồ sơ xuất khẩu đi châu Âu vẫn là khó khăn của ngành thủy sản.

Cả Anh và khối EU27 đều đang gặp vấn đề lớn với lạm phát gia tăng, ảnh hưởng đến khoảng 15% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong năm 2023, đặc biệt rủi ro trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu có thể xảy ra.



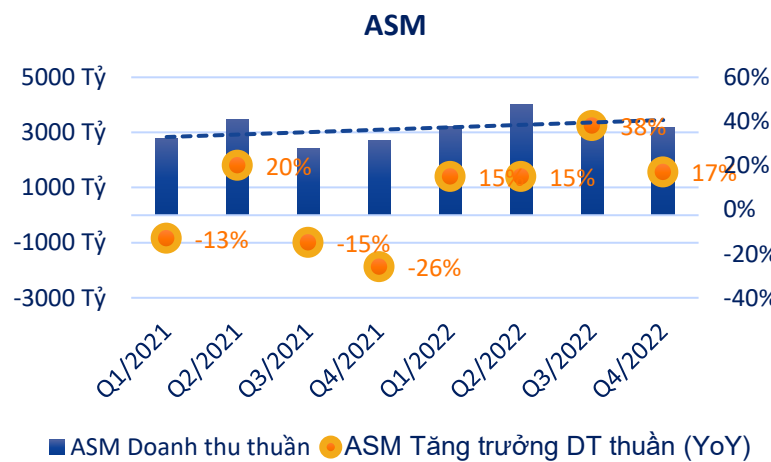
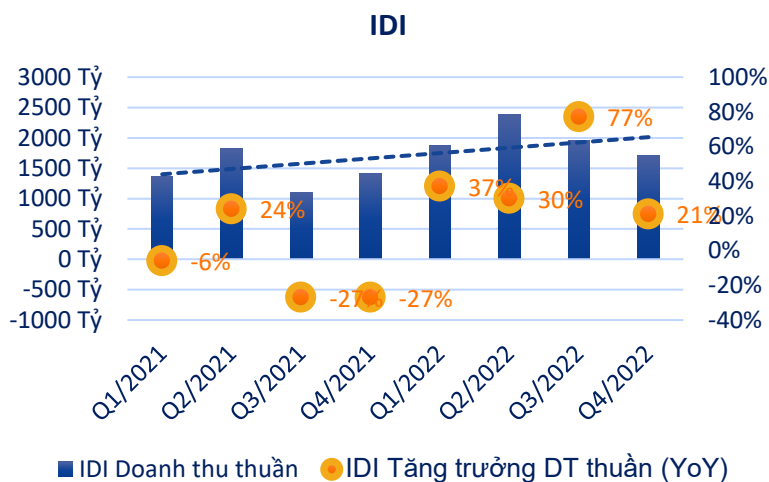
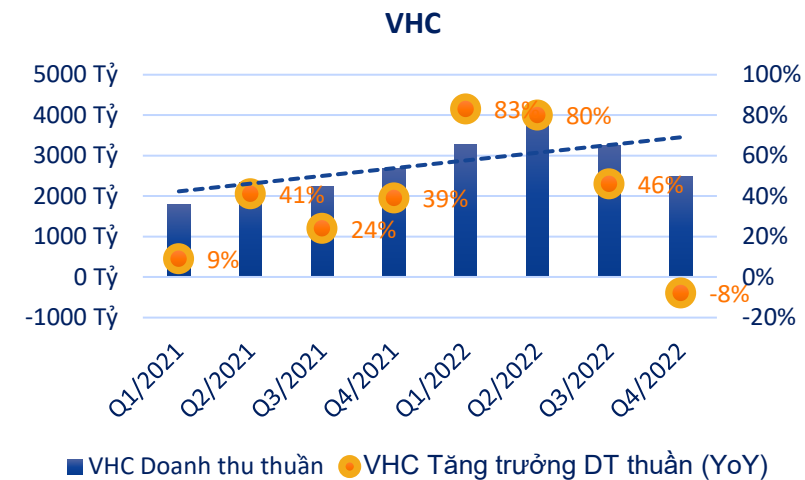
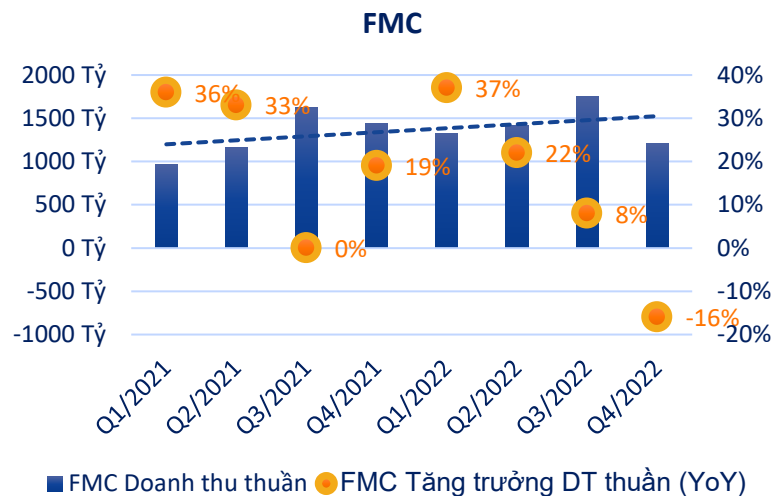
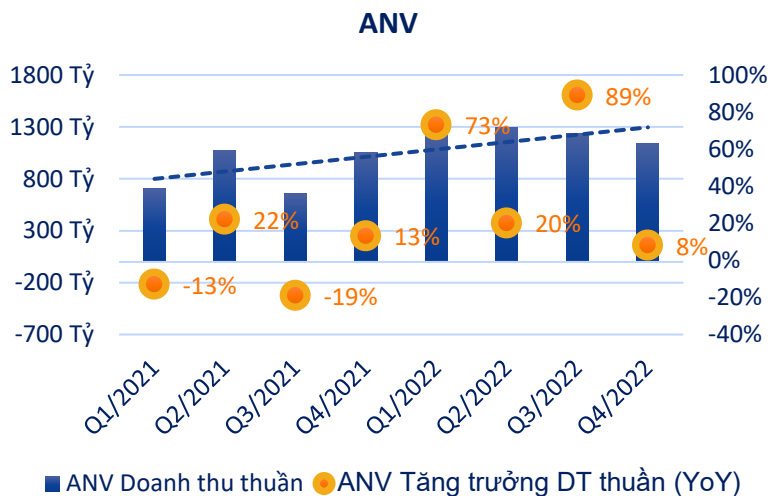
Thị trường Nga: Bất ổn chuỗi cung ứng, rủi ro và cơ hội song hành

Khoảng 1,5% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đến từ Nga. Tuy có sự hồi phục từ tháng 3/2022 sau khi gián đoạn do xung đột chính trị nổ ra, ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản đi thị trường này vẫn đang tiếp diễn.

Ngược lại, việc Mỹ gia tăng các lệnh cấm nhập khẩu từ Nga, đặc biệt là lệnh cấm nhập cá thịt trắng gần đây cũng tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cạnh tranh và hưởng lợi trên thị trường Mỹ.

4. Cập nhật kết quả kinh doanh và dự phóng

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU



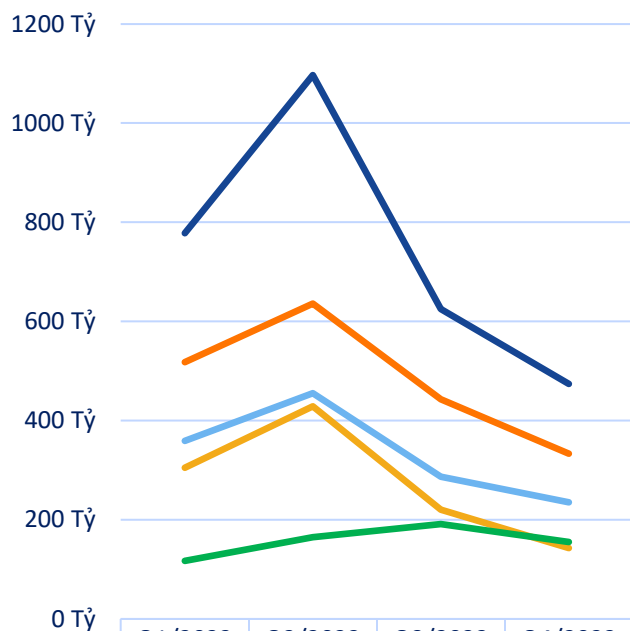
Doanh thu thuần các doanh nghiệp thủy sản tiêu biểu 2 năm gần nhất cho thấy:

- IDI và ANV là 2 thị trường phụ thuộc nhiều vào khu vực châu Á, cụ thể là Trung Quốc, có nhịp độ tăng trưởng tương đồng và tích cực đột biến trong Q3/2022.
- VHC và FMC có tốc độ tăng trưởng dương ổn định nhất.
- ASM có chung thị trường chính với FMC là Nhật nhưng kém tập trung hơn, đồng thời quy mô lớn hơn khiến tốc độ tăng trưởng của ASM thiên về xu hướng đi ngang.

4. Cập nhật kết quả kinh doanh và dự phóng

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU

LN gộp bán hàng và dịch vụ 4 quý 2022



	Q1/2022	Q2/2022	Q3/2022	Q4/2022
VHC	778 Tỷ	1097 Tỷ	625 Tỷ	474 Tỷ
ASM	518 Tỷ	636 Tỷ	443 Tỷ	333 Tỷ
ANV	359 Tỷ	455 Tỷ	287 Tỷ	235 Tỷ
IDI	305 Tỷ	429 Tỷ	220 Tỷ	143 Tỷ
FMC	117 Tỷ	165 Tỷ	191 Tỷ	155 Tỷ

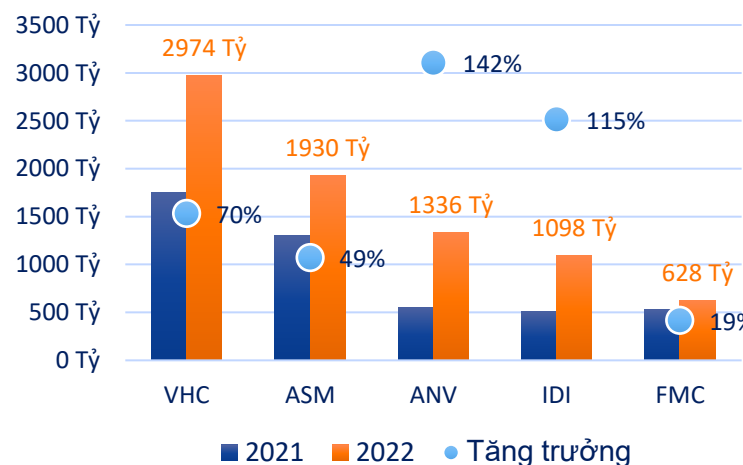
— VHC — ASM — ANV — IDI — FMC

- LN gộp bán hàng và dịch vụ ngành thủy sản có xu hướng giảm dần về cuối năm sau khi hầu hết doanh nghiệp tạo đỉnh tại Q2/2022.
- Các doanh nghiệp thủy sản tiêu biểu hầu hết đều có mức tăng trưởng LN gộp trên 50% năm 2022.

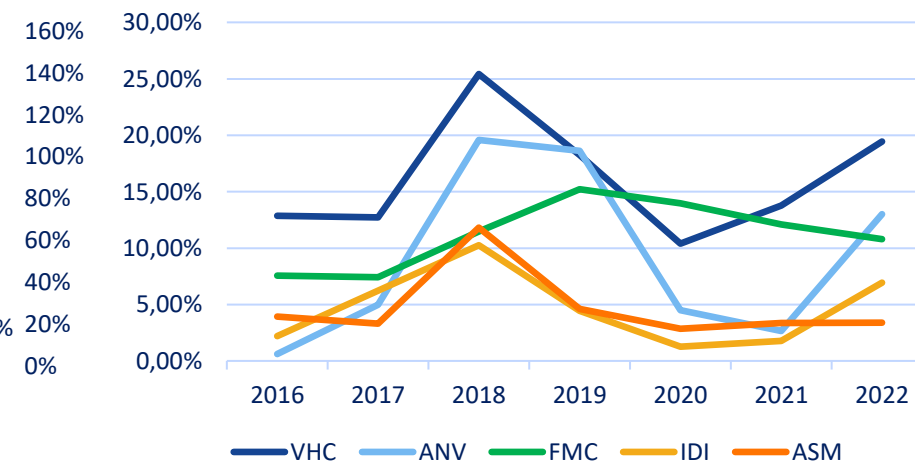
Doanh nghiệp

- FMC có đặc thù phụ thuộc rất lớn (khoảng 80% doanh thu) vào thị trường Nhật, tuy thiếu sự tăng trưởng đột biến như các doanh nghiệp khác nhưng tốc độ tuột dốc sau đỉnh cũng chậm hơn.
- Hiệu quả hoạt động của ASM và FMC không có sự đột biến và hồi phục tương đối chậm sau đỉnh 2018, cho thấy doanh nghiệp hoạt động trên thị trường Nhật có tốc độ tăng trưởng thấp hơn.
- Các doanh nghiệp tập trung nhiều hơn vào sản phẩm cá tra như VHC, ANV và IDI đều có mức tăng trưởng LN bán hàng và hồi phục ROA tốt hơn trong 2 năm gần nhất.

LN gộp bán hàng và dịch vụ 2021-2022



ROA (%)



4. Cập nhật kết quả kinh doanh và dự phóng

TRIỂN VỌNG VÀ DỰ PHÓNG

Dự phóng cả năm 2023 tăng trưởng lợi nhuận âm 18%

- Mục tiêu xuất khẩu thủy sản năm 2023 đạt 10 tỷ USD, giảm 9% so với 2022 do tồn kho các nước nhập khẩu vẫn còn cao và khả năng người dùng giảm tiêu thụ do lạm phát tiếp diễn và tình hình kinh tế chưa khả quan, đặc biệt ảnh hưởng đến tiêu thụ tôm.
- Theo đó, dự phóng năm 2023 các doanh nghiệp thủy sản tăng trưởng lợi nhuận âm 18% do mảng tôm kiểm tỷ trọng kim ngạch chính được dự báo suy yếu, mảng cá tra sẽ ít bị ảnh hưởng hơn nhưng giá bán của các sản phẩm chính đều được dự báo sụt giảm mạnh.

Các thị trường và sản phẩm trọng yếu của ngành thủy sản Việt nam đang có xu hướng thay đổi

Các thị trường chính của Việt Nam đang có sự thay đổi so với năm 2021, theo đó:

- Thị trường châu Á**, đặc biệt là Trung Quốc có dấu hiệu hồi phục mạnh và tiềm năng hơn trong năm 2023.
- Thị trường Mỹ** ngược lại có dấu hiệu tạo đỉnh hiệu suất vào Q2/2022.

Các sản phẩm chính cũng có sự phân hóa về dự báo năm 2023:

- Cá tra** tiếp tục có khả năng dẫn đầu tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2023.
- Tôm** vốn là sản phẩm chiếm tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu cao nhất có thể sẽ khó khăn trong 2023 do lượng tồn kho lớn, biên lợi nhuận hẹp hơn và giá thành cao. Tình hình mở cửa của thị trường Trung Quốc có thể tích cực cho ngành tôm hơn so với thị trường Mỹ.

Sức mua của người tiêu dùng tăng lên là động lực chính cho ngành thủy sản

Các yếu tố:

- Giá đầu vào chăn nuôi và đánh bắt tăng cao khiến ngư dân thua lỗ, bỏ ao, giảm nguồn cung thủy sản.
- Giá thương mại thủy sản tăng cao kéo dài trong năm 2021-2022 khiến lượng hàng tồn kho đẩy ra thị trường tiêu thụ chậm hơn.

↳ Các mặt hàng thủy sản khó có thể giảm giá đầu ra kể cả khi giá đầu vào giảm, do đó **mấu chốt cho sự tăng trưởng năm 2023 sẽ nằm ở việc giải phóng sức mua của người tiêu dùng** khi kinh tế tích cực, lạm phát giảm và lãi suất hạ nhiệt.

4. Cập nhật kết quả kinh doanh và dự phóng

TRIỂN VỌNG VÀ DỰ PHÓNG

Mã cổ phiếu	DT 2022 (tỷ)	LNST 2022 (tỷ)	Biên gộp	Biên ròng	Giải trình kết quả kinh doanh	Dự phóng KQKD 2023	Định giá 2023
VHC	13 473 (+49% YoY)	2 015 (+82% YoY)	22,46%	15,22%	Tăng trưởng đột biến vào đầu năm do nhu cầu nhập khẩu cá tra tăng mạnh tại thị trường Mỹ. VHC tạo đỉnh LN và tụt dốc nhanh hơn các doanh nghiệp cùng ngành vào nửa cuối năm do độ tập trung vào thị trường Mỹ lớn hơn.	DT: 7 544 tỷ (-44% YoY) LNST: 1 068 tỷ (-47% YoY) EPSfw: 5 824 VNĐ (-46% YoY)	51.800 VNĐ Mục tiêu ngắn hạn: Theo dõi Mục tiêu trung hạn: Theo dõi
ANV	4 935 (+41% YoY)	673 (+423% YoY)	27,27%	13,76%	Doanh thu và lợi nhuận tăng do nhu cầu nhập khẩu cá tra tăng. Nửa cuối năm doanh thu giảm dần và thấp nhất năm vào Q4 do ảnh hưởng suy thoái kinh tế dẫn đến giảm lượng và giá xuất khẩu cá tra sang Mỹ.	DT: 4 293 tỷ (-13% YoY) LNST: 643 tỷ (-15% YoY) EPSfw: 5 057 VNĐ (-8% YoY)	45.000 VNĐ Mục tiêu ngắn hạn: Theo dõi Mục tiêu trung hạn: Mua
IDI	7 937 (+39% YoY)	559 (+291% YoY)	13,84%	7,05%	Tăng trưởng mạnh vào Q2 nhờ giá cá tra tăng đồng pha với nhu cầu cá tra thế giới. IDI xuất trực tiếp nhiều hơn vào Trung Quốc nhưng giá bán đi Mexico cao hơn, đặc biệt trong năm 2022.	DT: 8 218 tỷ (+3% YoY) LNST: 564 tỷ (+1% YoY) EPSfw: 2 477 VNĐ (+3% YoY)	22.000 VNĐ Mục tiêu ngắn hạn: Theo dõi Mục tiêu trung hạn: Mua

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Minh Hoàng	Trưởng phòng phân tích	hoang.nguyenminh@vfs.com.vn
Vũ Thị Hà Phương	Chuyên viên phân tích	phuong.vu@vfs.com.vn
Trần Minh Tâm	Chuyên viên phân tích	tam.tran@vfs.com.vn
Nguyễn Hoàng Long	Chuyên viên phân tích	long.nguyen@vfs.com.vn
Nguyễn Thị Huyền	Chuyên viên phân tích	huyen.nguyen@vfs.com.vn
Đặng Thu Hiền	Chuyên viên phân tích	hien.dang@vfs.com.vn

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.